

Số: /2026/TT-BGDĐT Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định mã số, chuẩn nghề nghiệp, bổ nhiệm, xếp lương
và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề**

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định mã số, chuẩn nghề nghiệp, bổ nhiệm, xếp lương và chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về mã số, chuẩn nghề nghiệp, bổ nhiệm, xếp lương, xác định tương đương chức danh nhà giáo và chế độ làm việc đối với giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục trung học nghề (sau đây gọi là giáo viên trung học nghề).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định về mã số, bổ nhiệm, xếp lương, xác định tương đương chức danh nhà giáo và chế độ làm việc của giáo viên trung học nghề tại Chương III và Chương IV Thông tư này áp dụng đối với giáo viên trung học nghề trong trường trung học nghề, trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi chung là cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp) công lập có tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Quy định về chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên trung học nghề tại Chương II Thông tư này áp dụng đối với giáo viên trung học nghề trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp công lập và tư thục có tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Thông tư này không áp dụng đối với giáo viên trung học nghề trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 3. Mã số chức danh giáo viên trung học nghề

1. Hạng III - Mã số V.09.02.14.
2. Hạng II - Mã số V.09.02.13.
3. Hạng I - Mã số V.09.02.12.

Chương II

CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC NGHỀ

Điều 4. Tiêu chuẩn về đạo đức

1. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, tôn trọng và đối xử công bằng, đúng mực với người học, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

2. Tâm huyết với nghề, tận tụy với công việc; công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học, chống bệnh thành tích.

3. Tuân thủ các quy định về đạo đức học thuật; bảo đảm liêm chính khoa học; thực hiện trung thực, minh bạch trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công bố kết quả nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn khác.

4. Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của nhà giáo; tuân thủ nội quy, quy chế của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với hạng III

a) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo phù hợp với môn học, mô đun hoặc ngành, nghề giảng dạy đối với giáo viên giảng dạy môn học thuộc phần kiến thức chương trình trung học phổ thông và giáo viên dạy lý thuyết môn học, mô đun thuộc phần chuyên môn nghề;

b) Có bằng cao đẳng hoặc có năng lực thực hành nghề để dạy thực hành trình độ tương ứng với chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục trung học nghề theo quy định đối với giáo viên dạy thực hành môn học, mô đun thuộc phần chuyên môn nghề;

c) Giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục trung học nghề phải đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo.

2. Đối với hạng II

a) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo phù hợp với môn học, mô đun hoặc ngành, nghề giảng dạy đối với giáo viên giảng dạy môn học thuộc phần kiến thức chương trình trung học phổ thông và giáo viên dạy lý thuyết môn học, mô đun thuộc phần chuyên môn nghề;

b) Giáo viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành (sau đây gọi chung là dạy tích hợp) môn học, mô đun thuộc phần chuyên môn nghề phải đáp ứng đồng thời quy định tại điểm a khoản này và điểm b khoản 1 Điều này.

3. Đối với hạng I

a) Có bằng thạc sĩ trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc bằng thạc sĩ trở lên thuộc ngành đào tạo phù hợp với môn học, mô đun hoặc ngành, nghề giảng dạy đối với giáo viên giảng dạy môn học thuộc phần kiến thức chương trình trung học phổ thông và giáo viên dạy lý thuyết môn học, mô đun thuộc phần chuyên môn nghề;

b) Giáo viên dạy tích hợp môn học, mô đun thuộc phần chuyên môn nghề phải đồng thời đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 và điểm b khoản 1 Điều này.

4. Giáo viên trung học nghề hạng III, hạng II và hạng I phải có năng lực sư phạm để giảng dạy chương trình giáo dục trung học nghề (đối với giáo viên không tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên); phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề.

5. Việc đánh giá, công nhận năng lực sư phạm và năng lực thực hành nghề được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 6. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

1. Đối với hạng III

a) Nắm vững kiến thức về môn học, mô đun được phân công giảng dạy; có kiến thức về môn học, mô đun liên quan; có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp; thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề của môn học, mô đun được phân công giảng dạy (đối với giáo viên dạy thực hành môn học, mô đun thuộc phần chuyên môn nghề);

b) Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng nghề và phương pháp sư phạm để tổ chức, triển khai hoạt động giảng dạy; hướng dẫn người học thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động và đạt được các mục tiêu trong chuẩn đầu ra của chương trình;

c) Nắm vững mục tiêu, nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của môn học, mô đun được phân công giảng dạy và kế hoạch đào tạo của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp để tổ chức đào tạo;

d) Có khả năng tham gia xây dựng bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá năng lực học tập phù hợp với nội dung, đặc điểm của môn học, mô đun và đối tượng người học; đánh giá đúng năng lực của người học;

đ) Sử dụng hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học; có khả năng ứng dụng, cải tiến phương tiện, trang thiết bị dạy học;

e) Có hiểu biết cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, tham gia thực hiện hoặc ứng dụng được kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào giảng dạy và các công việc được giao;

g) Ứng dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm trong thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên trung học nghề hạng III.

2. Đối với hạng II

a) Nắm vững kiến thức chuyên sâu về môn học, mô đun được phân công giảng dạy; có kiến thức về môn học, mô đun liên quan; có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới liên quan đến môn học, mô đun được phân công giảng dạy; có khả năng vận dụng kiến thức và các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào giảng dạy, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo;

b) Nắm vững mục tiêu đào tạo, nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình, kế hoạch đào tạo của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng nghề và phương pháp sư phạm để tổ chức và triển khai hoạt động giảng dạy tích hợp; có khả năng tổ chức, điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng người học và điều kiện thực tế;

c) Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghề của môn học, mô đun được phân công giảng dạy; hướng dẫn người học thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động và đạt được các mục tiêu trong chuẩn đầu ra của chương trình (đối với giáo viên dạy tích hợp môn học, mô đun phân chuyên môn nghề);

d) Có khả năng chủ trì hoặc tham gia xây dựng bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá năng lực học tập phù hợp với nội dung, đặc điểm của môn học, mô đun và đối tượng người học; đánh giá đúng năng lực của người học, tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá để điều chỉnh bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá; có năng lực tham gia xây dựng, thẩm định, hướng dẫn sử dụng bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá cấp cơ sở trở lên;

đ) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, sử dụng hiệu quả và an toàn các phương tiện, trang thiết bị dạy học; có năng lực tham gia thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện, trang thiết bị dạy học, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn, xưởng thực hành;

e) Nắm vững phương pháp, quy trình thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng dụng hoặc chuyển giao được kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào giảng dạy và các công việc được giao;

g) Ứng dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm trong thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên trung học nghề hạng II;

h) Đạt 02 (hai) tiêu chí hoặc đạt 02 (hai) lần đối với một tiêu chí trong các tiêu chí sau:

- Chủ biên hoặc tham gia biên soạn 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách (sau đây gọi chung là sách phục vụ đào tạo) hoặc 02 (hai) chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với môn học, mô đun, ngành, nghề được phân công giảng dạy, được hội đồng khoa học và đào tạo (do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc cấp có thẩm quyền thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo chương trình giáo dục trung học nghề hoặc đào tạo trình độ trung cấp trở lên;

- Tham gia thực hiện 01 (một) hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở trở lên đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên hoặc là tác giả chính của 01 (một) bài báo khoa học phù hợp với ngành, nghề giảng dạy, được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN hoặc tương đương;

- Đạt giải ba trở lên hoặc trực tiếp bồi dưỡng nhà giáo, người học đạt giải ba trở lên tại hội giảng, hội thi, hội diễn, cuộc thi, kỳ thi hoặc mô hình hoạt động tương đương về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề, khoa học, công nghệ, kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, khởi nghiệp hoặc các lĩnh vực khác do cơ quan có thẩm quyền tổ chức (sau đây gọi chung là cuộc thi) cấp tỉnh, cấp bộ, ngành hoặc tương đương trở lên;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp trường trở lên.

3. Đối với hạng I

a) Nắm vững kiến thức chuyên sâu về môn học, mô đun, ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; nắm vững thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy; có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào giảng dạy, xây dựng, cập nhật hoặc thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, bồi dưỡng và tập huấn, tư vấn chuyên môn cho nhà giáo theo phân công;

b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, mục tiêu, nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình và kế hoạch đào tạo của cơ sở; có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng nghề và phương pháp sư phạm để thiết kế, tổ chức và triển khai hoạt động giảng dạy tích hợp; có khả năng tổ chức, điều chỉnh phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng người học và điều kiện thực tế; có năng lực hướng dẫn, bồi dưỡng giáo viên về phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá trong phạm vi chuyên môn được giao;

c) Thực hiện thành thạo kỹ năng nghề của môn học, mô đun được phân công giảng dạy; hướng dẫn người học thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn lao động và đạt được các mục tiêu trong chuẩn đầu ra của chương trình (đối với giáo viên dạy tích hợp môn học, mô đun thuộc phần chuyên môn nghề); có năng lực bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề cho đội ngũ nhà giáo; có khả năng tư vấn, kết nối doanh nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho người học;

d) Có khả năng chủ trì xây dựng bộ tiêu chí, công cụ đánh giá năng lực học tập phù hợp với nội dung, đặc điểm môn học, mô đun và đối tượng người học; đánh giá đúng năng lực của người học; tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá để điều chỉnh bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá; có năng lực chủ trì xây dựng, thẩm định, hướng dẫn sử dụng bộ tiêu chí, công cụ, phương pháp đánh giá trong phạm vi cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc theo phân công của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Nắm vững kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, sử dụng thành thạo, hiệu quả và an toàn các phương tiện, trang thiết bị dạy học; có năng lực chủ trì thiết kế, cải tiến, chế tạo phương tiện, trang thiết bị dạy học; có khả năng chủ trì xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn, xưởng thực hành;

e) Nắm vững phương pháp, quy trình nghiên cứu khoa học; có năng lực chủ trì, hướng dẫn thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ứng dụng hoặc chuyển giao được kết quả của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào giảng dạy và các công việc được giao;

g) Ứng dụng được công nghệ thông tin và sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm trong thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên trung học nghề hạng I;

h) Đạt 02 (hai) tiêu chí hoặc đạt 02 (hai) lần đối với một tiêu chí trong các tiêu chí sau:

- Chủ biên 02 (hai) giáo trình hoặc 02 (hai) sách phục vụ đào tạo hoặc 04 (bốn) chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với môn học, mô đun, ngành, nghề được phân công giảng dạy được hội đồng khoa học và đào tạo (do người đứng đầu cơ sở hoặc cấp có thẩm quyền thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo chương trình giáo dục trung học nghề hoặc đào tạo trình độ trung cấp trở lên;

- Chủ trì thực hiện 02 (hai) hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở hoặc 01 (một) hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cao hơn đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên hoặc là tác giả chính của 02 (hai) bài báo khoa học phù hợp với ngành, nghề giảng dạy đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;

- Đạt giải ba trở lên hoặc trực tiếp bồi dưỡng nhà giáo, người học đạt giải ba trở lên tại cuộc thi cấp quốc gia hoặc tương đương trở lên;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh trở lên hoặc được tặng bằng khen từ cấp bộ, ngành, tỉnh trở lên hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi từ cấp bộ, ngành, tỉnh trở lên.

Chương III

BỔ NHIỆM, XẾP LƯƠNG VÀ XÁC ĐỊNH TƯƠNG ĐƯƠNG CHỨC DANH GIÁO VIÊN TRUNG HỌC NGHỀ

Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với giáo viên trung học nghề

1. Việc bổ nhiệm chức danh giáo viên trung học nghề được thực hiện khi tuyển dụng, tiếp nhận vào làm viên chức và thay đổi vị trí việc làm. Giáo viên trung học nghề được bố trí vào vị trí việc làm nào thì được bổ nhiệm vào hạng chức danh tương ứng với vị trí việc làm đó và phải đáp ứng chuẩn nghề nghiệp đối với hạng chức danh được bổ nhiệm.

2. Người được tuyển dụng, tiếp nhận được bổ nhiệm vào chức danh và xếp lương tương ứng với hạng chức danh giáo viên trung học nghề theo vị trí việc làm được tuyển dụng, tiếp nhận. Nhà giáo được thay đổi sang vị trí việc làm giáo viên trung học nghề thì được bổ nhiệm vào hạng chức danh và xếp lương tương ứng với vị trí việc làm mới theo quy định.

3. Việc xếp lương đối với giáo viên trung học nghề được thực hiện theo hạng chức danh quy định tại Điều 3 Thông tư này, Thông tư số 02/2007/TT-BNV hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức và quy định hiện hành của pháp luật. Khi thực hiện chính sách tiền lương mới, việc chuyển xếp sang lương mới được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 8. Bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với giáo viên trung học nghề

1. Viên chức được bổ nhiệm vào chức danh giáo viên trung học nghề quy định tại Thông tư này được áp dụng bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cụ thể như sau:

a) Hạng III - Mã số V.09.02.14 được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89 đối với viên chức có trình độ cao đẳng hoặc có năng lực thực hành nghề quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư này; hoặc được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98 đối với viên chức có trình độ đại học trở lên;

b) Hạng II - Mã số V.09.02.13 được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2 từ hệ số lương 4,0 đến hệ số lương 6,38;

c) Hạng I - Mã số V.09.02.12 được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.1 từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

2. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc các chức danh giáo viên trung cấp, giáo viên sơ cấp hoặc chức danh tương đương theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được bổ nhiệm hạng chức danh giáo viên trung học nghề tương ứng theo quy định tại khoản 1 Điều này, cụ thể như sau:

a) Bổ nhiệm hạng III - Mã số V.09.02.14 đối với: giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số V.09.02.07; giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số V.09.02.08; giáo viên trung cấp hạng III - Mã số V.09.02.07; giáo viên sơ cấp hạng II - Mã số V.09.02.10; việc xếp lương thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều này;

b) Bổ nhiệm hạng II - Mã số V.09.02.13 đối với giáo viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số V.09.02.06; giáo viên sơ cấp hạng I - Mã số V.09.02.11; việc xếp lương thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều này;

c) Bổ nhiệm hạng I - Mã số V.09.02.12 đối với giáo viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (hạng I) - Mã số V.09.02.05; giáo viên trung cấp hạng II - Mã số V.09.02.06; việc xếp lương thực hiện theo điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 9. Xác định tương đương chức danh giáo viên trung học nghề

1. Việc xác định chức danh tương đương để bổ nhiệm vào chức danh giáo viên trung học nghề được thực hiện theo hạng chức danh tương ứng với vị trí việc làm mới sau khi thực hiện thay đổi vị trí việc làm theo quy định của pháp luật. Chức danh được xác định tương đương phải bảo đảm tương đương về tiêu chuẩn trình độ đào tạo hoặc cùng mức độ phức tạp của công việc theo yêu cầu của vị trí việc làm và bảng lương tương ứng ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, bình đẳng và đúng quy định của pháp luật.

2. Giáo viên trung học nghề hạng I được xác định tương đương các chức danh thuộc nhóm II (loại A2, nhóm A2.1) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2026/TT-BGDĐT quy định việc xác định tương đương chức danh nhà giáo.

3. Giáo viên trung học nghề hạng II được xác định tương đương các chức danh thuộc nhóm III (loại A2, nhóm A2.2) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2026/TT-BGDĐT.

4. Giáo viên trung học nghề hạng III áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 được xác định tương đương các chức danh thuộc nhóm IV (loại A1) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2026/TT-BGDĐT.

5. Giáo viên trung học nghề hạng III áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 được xác định tương đương các chức danh thuộc nhóm V (loại A0) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2026/TT-BGDĐT.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN TRUNG HỌC NGHỀ

Mục I

NHIỆM VỤ VÀ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 10. Nhiệm vụ của giáo viên trung học nghề

1. Đối với hạng III

a) Giảng dạy môn học thuộc phần kiến thức chương trình trung học phổ thông hoặc giảng dạy lý thuyết hoặc thực hành hoặc tích hợp các môn học, mô đun thuộc phần chuyên môn nghề trong chương trình giáo dục trung học nghề; giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác; đánh giá kết quả học tập và kết quả thi tốt nghiệp của người học;

b) Thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; tham gia tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, hướng dẫn thực tập và sản xuất; tham gia nghiên cứu hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

c) Tham gia biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu, tài liệu giảng dạy; thiết kế, cải tiến, tự làm đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp hoặc thiết kế, xây dựng phòng học chuyên môn;

d) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới đối với giáo viên giảng dạy phần chuyên môn nghề;

đ) Thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; tham gia luyện thi cho người học tham gia cuộc thi, kỳ thi, hội thi khác các cấp;

e) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể (nếu có), các hoạt động phát triển thực tiễn nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc người có thẩm quyền phân công phù hợp với tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của hạng III và các quy định pháp luật liên quan.

2. Đối với hạng II

a) Giảng dạy môn học thuộc phần kiến thức chương trình trung học phổ thông hoặc giảng dạy lý thuyết hoặc tích hợp môn học, mô đun thuộc phần chuyên môn nghề trong chương trình giáo dục trung học nghề; giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác; đánh giá kết quả học tập và kết quả thi tốt nghiệp của người học;

b) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, hướng dẫn thực tập, thực hành sản xuất; chủ trì hoặc tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở trở lên hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp; tổ chức hoạt động tư vấn khoa học, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, học liệu, tài liệu phục vụ giảng dạy; thiết kế, cải tiến, chế tạo đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp hoặc thiết kế, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

d) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; chủ trì hoặc tham gia bồi dưỡng đội ngũ giáo viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của cơ sở; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới đối với giáo viên giảng dạy phần chuyên môn nghề;

đ) Thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; chủ trì hoặc tham gia luyện thi cho người học tham gia cuộc thi, kỳ thi, hội thi khác các cấp;

e) Chủ trì hoặc tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể (nếu có), các hoạt động phát triển thực tiễn nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc người có thẩm quyền phân công phù hợp với tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của hạng II và các quy định pháp luật liên quan.

3. Đối với hạng I

a) Giảng dạy môn học thuộc phần kiến thức chương trình trung học phổ thông hoặc giảng dạy lý thuyết hoặc tích hợp các môn học, mô đun thuộc phần chuyên môn nghề trong chương trình giáo dục trung học nghề; giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề khác; đánh giá kết quả học tập và kết quả thi tốt nghiệp của người học;

b) Chủ trì tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp, hướng dẫn thực tập, thực hành sản xuất; chủ trì hoặc tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp cơ sở trở lên hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp; tổ chức hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn hoặc thẩm định các chương trình, giáo trình, học liệu, tài liệu phục vụ giảng dạy; thiết kế, cải tiến, chế tạo đồ dùng, trang thiết bị giáo dục nghề nghiệp hoặc thiết kế, xây dựng và quản lý phòng học chuyên môn;

d) Học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy; chủ trì bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của cơ sở; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới đối với giáo viên giảng dạy phần chuyên môn nghề;



đ) Thực hiện công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; chủ trì hoặc tham gia luyện thi cho người học tham gia cuộc thi, kỳ thi, hội thi khác các cấp;

e) Chủ trì hoặc tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể (nếu có), các hoạt động phát triển thực tiễn nghề nghiệp và phục vụ cộng đồng;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp hoặc người có thẩm quyền phân công phù hợp với tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của hạng I và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 11. Giờ chuẩn, thời gian giảng dạy

1. Giờ chuẩn, tiết dạy (sau đây gọi chung là giờ chuẩn) là đơn vị thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy được xác định trên cơ sở quy đổi từ số giờ lao động cần thiết trước, trong và sau giờ giảng để hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, bao gồm: chuẩn bị bài giảng, tổ chức giảng dạy, giáo dục và đánh giá người học.

2. Một giờ chuẩn được tính đối với 01 giáo viên thực hiện giảng dạy phần kiến thức chương trình trung học phổ thông hoặc giảng dạy phần chuyên môn nghề cho 01 lớp học được tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp đối với giáo dục trung học nghề.

3. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn. Thời lượng của 01 giờ chuẩn đối với giảng dạy phần kiến thức chương trình trung học phổ thông và đối với giảng dạy lý thuyết, thực hành hoặc tích hợp phần chuyên môn nghề được xác định theo quy định về chuẩn chương trình giáo dục trung học nghề.

Điều 12. Nguyên tắc xác định chế độ làm việc

1. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề, giáo viên trung học nghề giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (bao gồm: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trưởng phòng và tương đương, phó trưởng phòng và tương đương) và giáo viên trung học nghề làm việc tại các phòng chức năng và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được xác định theo số tuần và định mức giờ chuẩn trong một năm học để thực hiện hoạt động nghề nghiệp, không bao gồm thời gian nghỉ hằng năm và bảo đảm không vượt quá thời giờ làm việc tối đa theo quy định.

2. Định mức giờ chuẩn là số giờ chuẩn được quy định mà mỗi giáo viên trung học nghề phải giảng dạy trong một năm học. Giáo viên trung học nghề tham gia giảng dạy đồng thời phần kiến thức chương trình trung học phổ thông và phần chuyên môn nghề trong cùng một năm học thì áp dụng theo định mức giờ chuẩn của phần có khối lượng giảng dạy thực tế nhiều hơn; trường hợp khối lượng giảng dạy bằng nhau thì áp dụng định mức giờ chuẩn của giáo viên dạy phần chuyên môn nghề. Trường hợp giáo viên trung học nghề tham gia giảng dạy nhiều trình độ đào tạo trong cùng một năm học thì áp dụng định mức giờ chuẩn trình độ cao nhất trên cơ sở tính hệ số quy đổi giờ chuẩn giảng dạy các trình độ thấp hơn sang giờ chuẩn giảng dạy trình độ cao nhất.

3. Một giờ chuẩn giảng dạy phần kiến thức chương trình trung học phổ thông được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy lý thuyết, thực hành hoặc tích hợp phần chuyên môn nghề. Một giờ chuẩn giảng dạy trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp với trực tuyến được tính bằng một giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp.

4. Giáo viên trung học nghề được quy đổi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ra giờ chuẩn để tính vào khối lượng giảng dạy khi được cấp có thẩm quyền giao thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ ngoài các nhiệm vụ đã được giảm định mức giờ chuẩn (trừ giáo viên trung học nghề quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này). Quy đổi ra giờ chuẩn và cộng thêm vào định mức giờ chuẩn trong năm học đối với thời gian giáo viên trung học nghề không sử dụng hết để học tập, bồi dưỡng, thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành và tiếp cận công nghệ mới; số giờ quy đổi được xác định theo tỷ lệ giữa thời gian không sử dụng hết để thực hiện các nhiệm vụ này với thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy.

5. Giáo viên trung học nghề được tính giảm định mức giờ chuẩn khi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, quản lý hoặc kiêm nhiệm do cấp có thẩm quyền giao hoặc trong một số trường hợp cụ thể theo quy định. Đối với các nhiệm vụ đã được bố trí kinh phí để chi trả thù lao cho giáo viên theo quy định thì không thực hiện giảm định mức giờ chuẩn và không quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ đó ra giờ chuẩn. Đối với giáo viên trung học nghề được phân công kiêm nhiệm công tác hành chính, công tác khác, định mức giờ chuẩn tính theo tỷ lệ tương ứng giữa thời gian được phân công kiêm nhiệm với thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy.

6. Việc phân công, bố trí nhiệm vụ cho giáo viên trung học nghề phải đảm bảo:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về lao động về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi;

b) Phù hợp với định mức giờ chuẩn, thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới;

c) Công bằng, công khai, minh bạch trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp để thống nhất thực hiện.

Mục II

THỜI GIAN LÀM VIỆC, ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN VÀ THỜI GIAN NGHỈ HÀNG NĂM

Điều 13. Thời gian làm việc

1. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề dạy phần kiến thức chương trình trung học phổ thông là 42 tuần (tương đương 1.680 giờ hành chính), bao gồm:

a) 37 tuần thực hiện nhiệm vụ giảng dạy (gồm 35 tuần thực dạy và 02 tuần dự phòng);

b) 05 tuần tham gia học tập, bồi dưỡng; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác (bao gồm cả thời gian chuẩn bị năm học mới và tổng kết năm học).

2. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề dạy phần chuyên môn nghề là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính), bao gồm:

a) 36 tuần thực hiện nhiệm vụ giảng dạy;

b) 08 tuần tham gia học tập, bồi dưỡng; thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới; dự giờ, trao đổi kinh nghiệm và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác (bao gồm cả thời gian chuẩn bị năm học mới và tổng kết năm học).

3. Thời gian làm việc của giáo viên trung học nghề giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này là 46 tuần (tương đương 1.840 giờ hành chính), bao gồm thời gian thực hiện nhiệm vụ giảng dạy bảo đảm định mức giờ chuẩn theo quy định.

Điều 14. Định mức giờ chuẩn

1. Định mức giờ chuẩn trong một năm học của giáo viên trung học nghề dạy phần kiến thức chương trình trung học phổ thông là 595 giờ chuẩn.

2. Định mức giờ chuẩn trong một năm học của giáo viên trung học nghề dạy phần chuyên môn nghề từ 400 đến 510 giờ chuẩn.

3. Định mức giờ chuẩn đối với giáo viên trung học nghề giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên trung học nghề làm việc tại các phòng chức năng, đơn vị, tổ chức khác thuộc cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp như sau:

a) Hiệu trưởng: 8% định mức giờ chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Phó hiệu trưởng: 10% định mức giờ chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Trưởng phòng và tương đương: 14% định mức giờ chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Phó trưởng phòng và tương đương: 18% định mức giờ chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

đ) Giáo viên trung học nghề làm việc tại các phòng chức năng, đơn vị, tổ chức khác thuộc cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp: 20% định mức giờ chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Thời gian nghỉ hằng năm

1. Thời gian nghỉ hàng năm của giáo viên trung học nghề gồm: nghỉ hè, nghỉ lễ, tết và các ngày nghỉ khác theo quy định.

2. Căn cứ kế hoạch năm học, quy mô, đặc điểm và điều kiện thực tế, người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp bố trí thời gian nghỉ hằng năm của giáo viên trung học nghề đúng quy định, phù hợp kế hoạch đào tạo của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

3. Thời gian nghỉ hè thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2026/NĐ-CP. Trường hợp thời gian nghỉ hè trùng với thời gian nghỉ thai sản của giáo viên nữ, ngoài thời gian nghỉ theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thời gian nghỉ của giáo viên bao gồm:

- a) Thời gian nghỉ thai sản đủ theo quy định;
- b) Thời gian nghỉ hè không trùng với thời gian nghỉ thai sản được bố trí trước hoặc sau thời gian nghỉ thai sản, phù hợp với kế hoạch đào tạo của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp;
- c) Trường hợp thời gian nghỉ quy định tại điểm b khoản này ít hơn số ngày nghỉ phép hằng năm theo quy định của pháp luật về lao động thì giáo viên trung học nghề được bố trí nghỉ thêm để bảo đảm tổng số ngày nghỉ thêm và số ngày nghỉ quy định tại điểm b khoản này không thấp hơn số ngày nghỉ hằng năm theo quy định của pháp luật. Thời gian nghỉ thêm được sắp xếp linh hoạt theo thỏa thuận giữa giáo viên với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

4. Trường hợp giáo viên nam được nghỉ chế độ thai sản khi vợ sinh con theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì giáo viên được tính hoàn thành khối lượng giảng dạy tương ứng của thời gian nghỉ và không phải thực hiện dạy bù. Trường hợp thời gian nghỉ chế độ thai sản khi vợ sinh con của giáo viên nam trùng với thời gian nghỉ hè thì không được nghỉ bù đối với thời gian trùng.

Mục III

CHẾ ĐỘ DẠY THÊM GIỜ, GIẢM ĐỊNH MỨC GIỜ CHUẨN VÀ QUY ĐỔI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ RA GIỜ CHUẨN

Điều 16. Chế độ dạy thêm giờ vượt định mức giờ chuẩn

1. Trong năm học, giáo viên trung học nghề tham gia giảng dạy có tổng số giờ chuẩn thực tế vượt định mức giờ chuẩn được giao thì số giờ chuẩn vượt định mức được xác định là giờ dạy thêm và làm căn cứ để thanh toán tiền lương dạy thêm giờ theo quy định.

2. Tổng số giờ dạy thêm của giáo viên trung học nghề được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này không được vượt quá số giờ làm thêm theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Việc thanh toán tiền lương dạy thêm giờ đối với số giờ dạy thêm quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo và các quy định pháp luật có liên quan.



Điều 17. Chế độ giảm định mức giờ chuẩn

1. Giáo viên trung học nghề là cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tại các khoa, bộ môn hoặc giáo viên trung học nghề kiêm nhiệm công tác khác được giảm định mức giờ chuẩn như sau:

a) Giáo viên trung học nghề được phân công kiêm nhiệm công tác giáo vụ hoặc tư vấn học sinh được giảm từ 10% đến 15% định mức giờ chuẩn đối với mỗi lớp được phân công, giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp hoặc cố vấn học tập được giảm từ 15% đến 20% định mức giờ chuẩn đối với mỗi lớp được phân công tùy theo số lượng, quy mô lớp học, nội dung và đặc điểm của môn học, mô đun;

b) Giáo viên trung học nghề phụ trách phòng học chuyên môn, xưởng thực hành, phòng thực hành, thực tập hoặc giáo viên kiêm phụ trách phòng học bộ môn: được giảm 10% định mức giờ chuẩn đối với mỗi phòng, xưởng có nhân viên chuyên trách; được giảm 15% định mức giờ chuẩn đối với mỗi phòng, xưởng không có nhân viên chuyên trách;

c) Giáo viên trung học nghề là trưởng khoa, phó trưởng khoa hoặc tương đương, giáo viên là trưởng bộ môn, phó trưởng bộ môn hoặc tương đương, giáo viên kiêm phụ trách thư viện: được giảm từ 15% đến 30% định mức giờ chuẩn.

2. Giáo viên trung học nghề kiêm nhiệm công tác Đảng, đoàn thể

a) Giáo viên kiêm Bí thư Đảng ủy cấp cơ sở hoặc Bí thư Chi bộ của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được giảm từ 20% đến 30% định mức giờ chuẩn; giáo viên kiêm cấp phó các chức danh nêu trên được giảm từ 15% đến 20% định mức giờ chuẩn; giáo viên kiêm Đảng ủy viên hoặc Chi ủy viên của Đảng ủy chi bộ cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được giảm từ 10% đến 15% định mức giờ chuẩn. Căn cứ quy mô của cơ sở, số lượng các thành viên trong từng tổ chức đảng, sau khi thống nhất ý kiến với các tổ chức Đảng, đoàn thể, người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp quyết định mức giảm cụ thể cho các chức danh;

b) Giáo viên trung học nghề kiêm nhiệm công tác công đoàn được giảm định mức giờ chuẩn theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho giáo viên, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Giáo viên trung học nghề là cán bộ trong tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam hoặc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cấp trường được áp dụng chế độ giảm định mức giờ chuẩn theo quy định tại Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.

3. Giáo viên trung học nghề kiêm nhiều nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này được tính tổng mức giảm định mức giờ chuẩn nhưng không vượt quá 50% định mức giờ chuẩn. Giáo viên trung học nghề kiêm nhiều chức vụ quy định tại khoản

2 Điều này được giảm định mức giờ chuẩn theo chức vụ có mức giảm định mức giờ chuẩn cao nhất.

4. Không giảm định mức giờ chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với giáo viên trung học nghề giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên trung học nghề làm việc tại các phòng chức năng, đơn vị, tổ chức khác thuộc cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này.

5. Chế độ giảm giờ chuẩn đối với các trường hợp khác:

a) Trong thời gian thử việc (nếu có), giáo viên trung học nghề chỉ thực hiện tối đa 50% định mức giờ chuẩn và được miễn thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để dành thời gian tham gia dự giờ và thực tập, thực tế;

b) Trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của pháp luật về lao động, giáo viên trung học nghề được giảm định mức giờ chuẩn theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ;

c) Trường hợp thời gian tham gia học tập, bồi dưỡng do cơ quan có thẩm quyền cho phép vượt quá thời gian quy định, giáo viên trung học nghề được giảm 14 giờ chuẩn cho 01 tuần học tập, bồi dưỡng đối với giáo viên giảng dạy phần chuyên môn nghề, giảm 17 giờ chuẩn cho 01 tuần học tập, bồi dưỡng đối với giáo viên giảng dạy phần kiến thức chương trình trung học phổ thông;

d) Giáo viên nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được giảm 15% định mức giờ chuẩn trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Điều 18. Quy đổi các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ra giờ chuẩn

1. Hoạt động chuyên môn quy đổi ra giờ chuẩn

a) Một giờ giảng bằng tiếng nước ngoài (đối với môn học, mô đun không phải là môn ngoại ngữ) theo kế hoạch đào tạo được tính bằng 1,5 đến 2,0 giờ chuẩn;

b) Một giờ giảng dạy phần kiến thức chương trình trung học phổ thông và dạy lý thuyết môn học, mô đun phần chuyên môn nghề đối với lớp học có số lượng người học vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này được tính quy đổi nhưng không quá 1,5 giờ chuẩn;

c) Một giờ giảng dạy phụ đạo cho người học hoặc giảng dạy bổ sung cho người học có kết quả học tập cuối học kì liền kề ở mức chưa đạt đối với các môn học, mô đun trong kế hoạch đào tạo của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được tính quy đổi nhưng không quá 1,5 giờ chuẩn;

d) Một giờ giảng dạy, hướng dẫn, bồi dưỡng cho nhà giáo khác để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia Hội giảng, cuộc thi, kỳ thi, hội thi khác các cấp được tính bằng từ 1,5 đến 2,0 giờ chuẩn;

đ) Thời gian thiết kế, cải tiến, tự làm các trang thiết bị đào tạo và thời gian xây dựng, phát triển học liệu số, bài giảng điện tử phục vụ giảng dạy đã được cấp khoa hoặc tương đương trở lên phê duyệt được tính quy đổi ra giờ chuẩn;

e) Giảng dạy giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất, thời gian làm công tác phong trào thể dục thể thao, huấn luyện quân sự cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhà giáo, nhân sự của cơ sở được tính quy đổi ra giờ chuẩn.

2. Các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác quy đổi ra giờ chuẩn: tuyển sinh, giảng dạy, bồi dưỡng người học ôn thi tốt nghiệp; soạn đề thi, coi thi, chấm thi kết thúc môn học, mô đun; soạn đề thi, coi thi, chấm thi tốt nghiệp; hướng dẫn, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn thực tập, thực tập kết hợp với lao động sản xuất; bồi dưỡng cho người học tham gia cuộc thi, kỳ thi, hội thi khác các cấp và thực hiện các nội dung chuyên môn, nghiệp vụ khác theo quy định của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản áp dụng

1. Bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên thuộc các ngành đào tạo của giáo dục đại học đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực thực hành nghề để dạy thực hành môn học, mô đun phần chuyên môn nghề trong chương trình giáo dục trung học nghề là một trong các văn bằng phù hợp với môn học, mô đun, ngành, nghề giảng dạy, bao gồm:

a) Bằng cử nhân trở lên đối với các nhóm ngành, lĩnh vực đào tạo: Sức khỏe; Nghệ thuật (trừ các ngành: Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật; Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Lý luận, lịch sử và phê bình múa); Đào tạo giáo viên; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; Kế toán - Kiểm toán; Luật; Sinh học; Sinh học ứng dụng; Máy tính; Công nghệ thông tin; Du lịch; Khách sạn, nhà hàng; Thể dục, thể thao (trừ ngành Quản lý thể dục thể thao);

b) Bằng kỹ sư, bằng kiến trúc sư, bằng chuyên khoa cấp I trở lên, bằng bác sĩ nội trú, bằng bác sĩ chuyên khoa, bằng bác sĩ y khoa, bằng bác sĩ nha khoa, bằng bác sĩ y học cổ truyền, bằng bác sĩ thú y, bằng dược sĩ.

2. Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận phù hợp với ngành, nghề giảng dạy được công nhận đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực thực hành nghề để dạy thực hành môn học, mô đun phần chuyên môn nghề trong chương trình giáo dục trung học nghề quy định tại Thông tư này bao gồm:

a) Danh hiệu Nghệ nhân ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nhà giáo ưu tú trở lên;

b) Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2 trở lên; Chứng chỉ kỹ năng nghề xuất sắc tại các kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia, khu vực, quốc tế; Chứng nhận bậc thợ 4/7 hoặc 3/6 trở lên;

c) Bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề; bằng tốt nghiệp trung cấp đối với các ngành thuộc lĩnh vực xiếc và tạp kỹ; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền viên theo quy định của Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp giấy chứng nhận và trực ca đối với thuyền viên (Công ước STCW); Chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề trình độ cao đẳng nghề; chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề theo quy định của pháp luật;

d) Chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 4 Khung trình độ quốc gia (Niveau 4 DQR) của Cộng hòa Liên bang Đức; Chứng chỉ kỹ năng nghề trình độ cao đẳng, cao đẳng nâng cao (Diploma, Advanced Diploma) của Úc; Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 (Level 3 as prescribed in the National Occupational Skill Standard) của Malaysia trở lên hoặc văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận tương đương theo quy định của pháp luật Việt Nam;

đ) Chứng nhận giải thưởng quốc gia, khu vực, quốc tế hoặc Chứng nhận tham gia huấn luyện, bồi dưỡng học sinh, sinh viên đoạt giải thưởng quốc gia, khu vực, quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.

3. Chứng chỉ được công nhận đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực sư phạm dạy chương trình giáo dục trung học nghề quy định tại Thông tư này bao gồm:

a) Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp; Chứng chỉ sư phạm dạy nghề trình độ trung cấp nghề, cao đẳng nghề; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học;

b) Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ trung cấp; Chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 2; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giáo viên trung cấp chuyên nghiệp; chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông.

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

1. Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các hạng viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các hạng của giáo viên trung học phổ thông hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông theo quy định của pháp luật được cấp trước ngày 30 tháng 9 năm 2026 được xác định tương đương với chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề quy định tại Thông tư này.

2. Người được tuyển dụng, tiếp nhận hoặc được thay đổi vị trí việc làm sang vị trí việc làm giáo viên trung học nghề kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Trường hợp đã có chứng chỉ bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này thì được xác định đáp ứng tiêu chuẩn có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề;

b) Trường hợp chưa có chứng chỉ bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này thì phải hoàn thiện đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề có hiệu lực thi hành;

c) Sau 12 tháng kể từ ngày chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề có hiệu lực thi hành thì phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề theo quy định.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Thông tư này; theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên trung học nghề trong các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp đáp ứng chuẩn nghề nghiệp.

2. Các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc tổ chức thực hiện các quy định tại Thông tư này đối với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên trung học nghề trong cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Căn cứ chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề, người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề:

a) Bố trí, phân công, giao nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh giáo viên trung học nghề;

b) Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên trung học nghề; tham mưu với cơ quan quản lý cấp trên, chính quyền địa phương về công tác quản lý, bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên trung học nghề;

c) Xác định sự phù hợp năng lực thực hành nghề và trình độ chuyên môn được đào tạo của giáo viên trung học nghề với môn học thuộc phần kiến thức

chương trình trung học phổ thông, môn học, mô đun thuộc phần chuyên môn nghề được phân công giảng dạy.

4. Căn cứ quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học nghề, quy mô đào tạo, điều kiện thực tế của cơ sở, đặc điểm của từng môn học, mô đun, ngành, nghề đào tạo, số người học cụ thể của các lớp học và mức độ phức tạp của các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ khác, người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề có trách nhiệm ban hành quy định chi tiết chế độ làm việc của giáo viên trung học nghề, trong đó:

a) Quy định công khai, minh bạch các tiêu chí xác định mức giờ chuẩn, hệ số quy đổi giờ chuẩn tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này để quyết định mức giờ chuẩn trong năm học đối với giáo viên trung học nghề, bao gồm số giờ chuẩn tối thiểu mà giáo viên phải trực tiếp giảng dạy trong năm học; định mức giờ chuẩn đối với các trường hợp bố trí, phân công giáo viên kiêm nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo giờ hành chính;

b) Quyết định việc thực hiện và số giờ tối thiểu mà giáo viên trung học nghề phải tham gia học tập, bồi dưỡng; thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới trong năm học (đối với giáo viên giảng dạy phần chuyên môn nghề);

c) Quyết định thời điểm nghỉ hè phù hợp với kế hoạch đào tạo của cơ sở;

d) Quyết định tỷ lệ giảm định mức giờ chuẩn cụ thể đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Thông tư này;

đ) Quy định cụ thể việc quy đổi ra giờ chuẩn đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 12, Điều 18 Thông tư này và các trường hợp khác (nếu có);

e) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý chế độ làm việc của giáo viên trung học nghề; khuyến khích sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử trong việc phân công, theo dõi, quản lý và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên.

5. Trước thời điểm tổ chức đào tạo chương trình giáo dục trung học nghề, người đứng đầu cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp công lập chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy định cụ thể về chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp với quy định của Thông tư này; chịu trách nhiệm giải trình về việc quyết định và tổ chức thực hiện chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề tại cơ sở theo quy định.

6. Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp tư thục có thực hiện chương trình giáo dục trung học nghề được khuyến khích áp dụng quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên trung học nghề tại Thông tư này để thực hiện tại cơ sở.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **10** tháng **8** năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.
3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và hiệu trưởng, giám đốc cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VH&XH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Như khoản 3 Điều 22 (để thực hiện);
- Công báo; Cổng PLQG; CSDLQG về VBPL; Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (05).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thương